

ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN

Tác giả
NGUYỄN TRUNG HẬU TỰ THUẦN ĐỨC

Sách này lược trình về căn nguyên
của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Hội Thánh Giữ Bản Quyền

* * *

Căn Từ

Quyển ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN do Ông NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUẦN ĐỨC biên soạn, là một trong 8 quyển được kết chung lại thành tập có tên là ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN do Giáo Hữu NGỌC NHƠN THANH (NGUYỄN TRUNG NHƠN), thứ nam của Ông sưu tầm và kết hợp lại năm TÂN TỶ 2001. Bản quyền toàn bộ sách đã được Cố Hiền Tài NGUYỄN TRUNG NGÔN (bút hiệu TAM ĐỨC), thay mặt gia đình hiến dâng cho Hội Thánh ngày 27-6 Quý Sửu (DL. 26-7-1973).

Chúng tôi xin trích LỜI KÍNH BẠCH của Hiền Huynh NGỌC NHƠN THANH, thay lời tựa kết tập ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN cho Chư Đồng Đạo lăm tường, nguyên văn như sau:

LỜI KÍNH BẠCH

Tiên phụ, Ông NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUẦN ĐỨC, lúc sanh tiền có soạn chín quyển sách về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, trong đó có bảy quyển soạn vào thập niên ba mươi, tức vào những năm đầu khai Đạo và hai quyển vào những năm 1955 và 1956.

Trong quá trình soạn thảo, Người còn ngại sơ sót, nên có cầu Đức CHÍ TÔN xin chỉ dạy và được dạy như sau:

”... Hậu, sách con làm ra đều có giá trị, là nhờ có Thầy giảng tâm con.
Con sợ sai lầm cũng phải, nhưng về sự sai siển, dầu bực Thánh xưa làm sách cũng còn nhiều chỗ khuyết điểm. Vậy con cứ an lòng mà làm ích thêm nữa.
Thầy hằng ở bên con mà diu dắt cho trí hóa rộng thêm nghe con”.
(Thánh giáo ngày 10-5-1927 do Bảo Pháp và Hiến Pháp thủ cơ)

Về quyển “Luân Hồi Quả Báo” cùng hợp soạn với Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi năm 1956, do sự gợi ý của Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt qua đàn cơ ngày 09-10-1955, do Ngài Bảo Pháp và Khai Đạo thủ cơ, có đoạn như sau: “. . . Các Đấng đã vận động đủ mọi lẽ hầu giúp tư tưởng cho đại đồng nhơn loại, ngặt cơ hiệp nhứt chưa thành thì khó phổ thông giáo lý. Phần đông họ chạy theo phái mạnh là có ý xu hướng xu thời. Vậy Ngài Bảo Pháp nên soạn một quyển sách Nhơn Quả để phổ thông đặng giúp ích cho Đòi cùng Đạo . . . “

Ngày 23-12-1955, sau khi soạn xong quyển “Luân Hồi Quả Báo”, Người có trình cho Ngài Lê Văn Duyệt duyệt lại. Ngài khiêm tốn không duyệt, lại bảo cầu Đức QUAN ÂM BỒ TÁT duyệt giùm cho. Nên có đàn cơ sau này, do Bảo Pháp và Khai Đạo thủ cơ:

QUAN ÂM BỒ TÁT

“Hi Chư Thiên Phong,

Vì có khải của Tả Quân Lê Văn Duyệt cầu xin chính quyền “Luân Hồi Quả Báo” ...
Về vấn đề “Linh Hồn”, may mắn lại có người tiếp được điển lành trích lục và tự thông truyền mới được đơm tươi như thế đó. Vậy cứ ấn tống ra để cho Chúng sanh hưởng ứng.

Về phần các Tôn giáo, hãy chỉ cho rõ, nhấn mạnh trong Tam Giáo Đạo. Buổi tận thế ngày sẽ đến đây. Hay! Được! Bần nữ để lời khen và cầu xin các Đấng ban ơn – Thăng”.

Hôm nay, muốn tìm cho đủ những quyển sách do tiên phụ soạn thảo để in lại là điều không phải dễ, vì phần lớn sách được phát hành trong những năm 1927-1930, cách đây hơn bảy mươi năm. Chúng tôi tìm trong tủ sách gia đình, mượn ở bè bạn, và may mắn lắm, mới kết hợp đủ chín quyển sách do tiên phụ soạn, nhưng phần nhiều là quyển photocopie.

Quyển “Đại Đạo Căn Nguyên” được soạn xong vào tháng 3-1930, nhưng ấn bản mà chúng tôi có là ấn bản do Thánh Thất An Hội, Kiến Hòa, Bến Tre tái bản năm 1957 với sự đồng ý của tác giả. Ngày 05-2 Kỷ Dậu (dl. 22-3-1969), Ngài Hiến Pháp Chương Quản Bộ Pháp Chánh, kiêm Trưởng Ban Đạo Sử cho in lại quyển ĐĐCN bằng Ronéo, trong đó, ở phần cuối, đã bỏ “Việc xây bàn” trích từ quyển Đạo Mạch Truy Nguyên của ông Huệ Chương.

Những quyển sách của Tiên phụ soạn được ghi tên tác giả là NGUYỄN TRUNG HẬU tự THUẬN ĐỨC . Có hai quyển Ăn Chay và Đức Tin được ký dưới bút hiệu THUẬN ĐỨC. Không có quyển nào ký tên dưới Thánh danh BẢO PHÁP cả.

Sau khi Tiên phụ thoát xác, ngày 27-6 Quý Sửu (dl. 26-7-1973), bào huynh, cố Hiền Tài Nguyễn Trung Ngôn (bút hiệu Tam Đức) đã thay mặt gia đình có văn thơ hiến dâng toàn bộ bản quyền những sách do Tiên phụ soạn thảo cho Hội Thánh.

Sách được in trên nhiều khổ giấy khác nhau. Nay chúng tôi sưu tập lại bằng vi tính, theo khổ giấy đồng nhất A5 (14,8 x 21 cm). Bìa được phục chế và thực hiện photocopie cũng theo khổ A5. Do đó chúng tôi xin sơ lược lại lý lịch gốc của các quyển sách như trang bên.

Hôm nay, ý nguyện của chúng tôi là kết hợp lại những sách do tiên phụ soạn thảo gồm tám quyển (trừ quyển Thiên Đạo) và lấy tên chung cho tám quyển là “ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN” để lưu lại hậu tránh thất lạc.

Việc sao lục được thực hiện nguyên văn theo sách đã ấn hành từ trước, chỉ chỉnh lại chánh tả theo năm sao lục (2001).

Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, năm Tân Ty (2001)

Thứ nam NGUYỄN TRUNG NHƠN

(Giáo Hữu NGỌC NHƠN THANH)

Cần bút

Nên Thánh Thất New South Wales tái ấn hành quyển ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN, và lần lượt sẽ ấn hành toàn bộ kết tập ĐẠI ĐẠO CHƠN LÝ YẾU LUẬN để phổ thông Chơn Đạo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng toàn thể Đạo hữu, Đạo tâm cùng Chư Thiện Tín gần xa khắp nơi trên Thế Giới.

Rằm Hạ Ngươn năm Nhâm Ngọ (2002)

Thánh Thất New South Wales - Australia

Kính cáo

Lời tựa của tác giả

Có nhiều vị hỏi tôi tại sao tôi theo Đạo "TAM KỶ PHỔ ĐỘ" và gốc tích Đạo này bởi đâu mà ra.

Muốn trả lời theo câu hỏi này, tất phải dẫn tích đông dài, trung đủ bằng cứ, phô nhiều lý luận; thành thử, dầu chủ tâm không phải là muốn làm sách, nhưng buộc lòng cũng phải dọn ra một quyển còn con, hầu lược thuật mới tròn sự tích.

Nhan đề quyển này nhỏ là "Đại Đạo Căn Nguyên" thì cũng bạo gan lắm rồi. Thế mà có một hai vị đạo hữu bảo tôi nên đề là "Đạo Sử".

Không dám bạo gan như thế, nên tôi đáp lại như vậy: "Tôi sở dĩ ký thuật sự tích Đạo lại một cách sơ lược cho mọi người rõ thấu vậy thôi, chớ đâu dám tự gọi là nhà làm sử?".

Phương chi, Đạo còn đương ở trong thời kỳ phổ độ, tôi vẫn nhắc nhớ công lao của mấy vị hành đạo trong năm Bính Dần là năm khai Đạo vậy thôi. Muốn làm Sử Đạo, tất phải đợi nhiều năm sau này mới được.

Sau khi dọn thành quyển "Đại Đạo Căn Nguyên", tôi có câu kiểm duyệt ở nhiều vị có chun trong Đạo từ buổi phối thai; hư thiệt lẽ nào, xin mời chư quý độc giả xem qua mấy lời tựa sau đây thì rõ.

Ngày 20 tháng hai, năm Canh Ngũ.

Nguyễn Trung Hậu tự Thuần Đức

Lời tựa của ông Đoàn Văn Bản

Tôi rất hân hạnh được ông Nguyễn Trung Hậu trao cho tôi lược duyệt quyển "Đại Đạo Căn Nguyên" của ông sắp xuất bản.

Đúng về phương diện người có chum trong Đạo Cao Đài từ ban sơ, tôi có thể nhìn nhận rằng sự tích lược thuật trong quyển sách này đều đúng với sự thật; lời ký thuật như chuyện đã qua, không vụ ngã mà cũng không tư vị.

Vậy tôi có mấy lời giới thiệu quyển sách này cho quý ông, quý bà để xem cho rõ sơ lược cái căn nguyên của một nền Tôn giáo, mà ai là người Việt Nam không nên không để ý đến.

Cầu Kho, le 12 Mars 1930.

Đoàn Văn Bản tự Văn Long

Lời tựa của ông Trương Hữu Đức

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỒ ĐỘ (hay là Đạo Cao Đài) nay đã có tên tuổi trong lịch sử rồi, vì tôn chỉ của Đạo rất chánh đáng, sự công ích của Đạo đã rõ ràng, nên công chúng lấy làm hữu hạnh mà hoan nghinh Tôn giáo ấy.

Tôn giáo ấy, ai sáng lập ra? Những tay tế thể là ai? Câu hỏi đó, tưởng ai ai cũng đều mong mỏi cho có câu trả lời.

Nhưng, câu trả lời phải ở đâu mà ra, cho đủ bằng cứ chon thật?

Chắc là phải tự nơi những người đầu công sáng lập, có nghe thấy rõ ràng từ lúc ban sơ. Nhưng người ấy cũng phải cho có đủ tư cách một người đạo nhơn, thì câu trả lời mới là chon thật và có giá trị.

Nếu lịch sử của một nền Tôn giáo mà mất sự thật hay là còn một điểm tư vị, thì sao đáng gọi là lịch sử, sao đáng gọi là căn nguyên của nền chánh giáo? Tôi sở dĩ phải nói mấy câu này ra, là vì có lòng mừng chung với anh em, chị em mà đặng thấy cuốn "ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN" ra đời, mà tác giả là một người trong mấy vị đầu công, lại có lòng vô tư, vô ngã. Như vậy thì từ đây mới có một quyển lịch sử của Đạo rất đúng đắn, không tư vị và không mất sự thật.

Saigon, le 15 Mars 1930.

Trương Hữu Đức tự Hòa Dân

Lời tựa của ông Lê Văn Giảng

Duyệt suốt quyển "Đại Đạo Căn Nguyên", tôi bất giác đặng hồi tưởng công việc Đạo đã trải qua trong năm Bính Dần như chuyện trước mắt bây giờ.

Thật tôi rất hữu hạnh đặng thấy quyển sách này ra đời, và sự tích trong đây đều đúng với sự thật. Ông Nguyễn Trung Hậu lại đứng về địa vị ký giả mà thôi, chớ không hạ một lời bình phẩm.

Cái giá trị quyển "Đ.Đ.C.N." là ở nơi đó.

Vậy xin có mấy lời thành thật gọi là giới thiệu quyển "Đ.Đ.C.N." cho anh em, chị em.

Vũng Liêm, le 20 Mars 1930.

Lê Văn Giảng

ĐẠO VẤN CÓ MỘT

Từ xưa đến nay, người trong các Tôn giáo đều cho Đạo mình là tối cao, tối trọng. Về Đạo Nho, Thầy Tử Tư tán dương rằng: "Đạo Thánh Nhon lớn vậy thay! Minh mông như biển, phát sanh dưỡng dục cho muôn loài. Cao thì cùng cực tận Trời. Rộng rãi vô cùng, bao gồm cả ba trăm điều lễ nghĩa, ba ngàn phép oai nghi!". (Đại tai Thánh Nhon chi Đạo! Dương dương hồ! Phát dục vạn vật, tuần cực vu Thiên, ưu ưu đại tai! Lễ nghi tam bách, oai nghi tam thiên!).

Về Đạo Lão, lại có câu: "Đạo vô vi ở trước ngôi Thái Cực". (Vô vi cư Thái Cực chi tiên). Đạo Phật thì có câu: "Phép mâu nhiệm cao sâu tốt bậc". (Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp). Đạo Thiên Chúa thì có câu: "Ngoài Hội Thánh ra, thì không đâu là nơi cứu độ". (Hors l'Église, point de salut).

Môn đồ mỗi Đạo vịn theo đó mà cho Đạo mình là tối cao tối trọng, cho Đạo mình là chơn chánh, xem các Đạo khác như mị tà; vì vậy mà ít hay quan sát đến các Tôn giáo khác đăng suu tầm những chơn lý, những chỗ cao siêu của Đạo người.

Nay, nếu lấy công tâm mà quan sát đến các Tôn giáo ở cõi Á Đông này, thì ta thấy rõ ràng các Tôn giáo, tuy bề ngoài khác nhau ở nơi lễ nghi tế tự, chớ tựu trung cũng đồng tín ngưỡng có một Đấng Chúa Tể cả Càn Khôn, Thế Giới mà thôi. Cho hay, các giáo lý, các giáo điều sở dĩ có chỗ khác nhau đi nữa, thì bất quá ở nơi tiêu dị mà thôi, chớ cũng đều giống nhau ở chỗ đại đồng.

Đạo Nho dạy về Nhon đạo, cai trị phần đời, chủ trương ở sự sống mà thôi, nên không nói đến chuyện Qui Thần; nhưng cứ bằng cứ ở câu sau này tự Đức Không Tử nói ra, thì ta đủ quyết đoán rằng Ngài vẫn tin tưởng có Trời, tức là Đấng Chúa Tể vạn vật.

Đức Phu Tử nói: "Làm lành, Trời lấy phước mà trả lại. Làm chẳng lành, Trời lấy họa mà trả lại". (Tử viết: Vi thiện dã, Thiên báo chi dĩ phước. Vi bất thiện dã, Thiên báo chi dĩ họa). Về Đạo Lão, thì Đức Thái Thượng có nói ở kinh "Cảm Ứng" như vậy: "Vậy nên Trời Đất có đặt mấy vị Thần coi việc tội lỗi của người, tùy chỗ nặng nhẹ mà bớt lộc".

(... Thị dĩ Thiên Địa hữu tư quá chư Thần, y nhon sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhon toán).
(1) Thế thì Đức Thái Thượng cũng tin tưởng có cơ báo ứng của Trời Đất, tức là tin có Đấng Chúa Tể vạn vật. Đạo Phật, tuy không nói đến Thượng Đế, nhưng cũng chẳng thấy trong kinh sách Phật, chỗ nào mà nói không có Trời. Có chăng là tại người sau bịa đặt ra để kích bác Thiên Đạo vậy thôi.

Nhưng, nếu truy nguyên đến câu niệm: "Nam Mô A Di Đà Phật" thì ta thấy rõ rằng Đức A Di Đà Phật tức là Chúa Tể Càn Khôn Thế Giới, mà thuở nay ta gọi là ông Trời đó vậy. Câu: "Nam Mô A Di Đà Phật" phát âm bởi câu Phạn ngữ: "Nama Adhi Buddha".

Nama (đọc trại thành ra Nam mô) nghĩa là cung kính, như Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng nghĩa là: Cung kính Phật, cung kính Pháp, cung kính Tăng.
Adhi nghĩa là đứng đầu hết như chữ A đứng đầu trong chữ vẫn vậy.

Buddha nghĩa là Bụt đà, sau đọc là Phật đà, rồi sau nữa lại đọc trở lại là Đà Phật cho xuôi vẫn. Phật là gì? Tức là Đấng tu đã nhiều kiếp đến bậc toàn giác (illuminé).
Adhi Buddha (2) (đọc theo tiếng Annam là A Di Đà Phật) nghĩa là Đấng toàn giác đứng đầu hơn hết; Đấng ấy, nếu chẳng phải là Đấng Chúa Tể hết vạn vật, vậy chớ là ai?

Các nước, nước nào cũng tin tưởng có Đấng Chúa Tể vạn vật, cái tư tưởng vẫn in nhau, có khác là khác ở tiếng nói mà thôi. Như người Annam gọi là ông “Trời”, người Tàu gọi là “Thượng Đế”, người Langsa gọi là “Dieu”, người Đạo Phật gọi là “Adhi Buddha” (A Di Đà Phật). Trong Kinh Rig-Veda là quyển Kinh Thánh tối cổ ở Ấn Độ có câu: "Đạo có MỘT: Người ta vẫn dùng nhiều danh từ mà gọi. Người Do Thái gọi là GÉHOVAH (*); người Đạo Thiên Chúa gọi là ĐỨC CHÚA TRỜI hay là ĐỨC CHA ở trên Thiên Đường; người Hồi Hồi xưng tụng là ALLHA; người Đạo Phật xưng tụng là PHẬT ĐÀ; người Jains(?) xưng tụng là JINA; còn người Thiên Trước lại gọi là BRAHMA". (Ce qui existe est UN: Les hommes le nomment de bien des noms. Les Juifs l'ont appelé GÉHOVAH (*); les Chrétiens, DIEU ou le PÈRE qui est aux Cieux; les Mahométans le vénèrent sous le nom d'ALLAH; les Buddhistes sous celui de BUDDHA; les Jains sous celui de JINA; pendant que les Hindous le nomment BRAHMA - Doctrine de l'Unité, par A. L. Caillet, Ingénieur civil).

Kỳ Hội quốc tế Thần linh học (Congrès Spirite International) nhóm tại thành Luân Đôn (kinh đô nước Anh) từ ngày 7 đến ngày 11 Septembre 1928, 26 nước đều công nhận rằng Thượng Đế là Đấng Toàn Tri và nguyên nhân tối cao của vạn vật. (Existence de Dieu, Intelligence et Cause suprême de toutes choses).

Do theo lý luận và bằng cứ trước đây, ta quyết đoán rằng, về phương diện tín ngưỡng, Đạo vẫn có MỘT mà thôi. Ngày nay, Đạo Trời mở tại Nam bang, chỉ cái lẽ "ĐẠO VẪN CÓ MỘT" ấy cho mọi người rõ thấu, hầu qui Tam Giáo và hiệp Ngũ Chi làm một, cho nhơn loại cùng chung một mối tín ngưỡng, cùng thương yêu lẫn nhau; ấy chẳng phải là một sự đại vinh diệu và đại hạnh phúc cho nước Nam ta mà từ xưa nay chưa từng có đó sao?

(1) Ông H. Durville diễn lại ở quyển sách "Đạo huyền bí" (La Science secrète) như vậy: "Il y a, dit Lao Tseu, sur la terre et surdessus de la terre, des forces

intelligentes qui éprouvent le mouvement des actions, des hommes; suivant la faible ou la grande influence issue de ces actions, elles diminuent d'un nombre périodique le total de l'existence sur la terre ... “.

(2) Sau khi Đức Thích Ca tu đắc đạo rồi, chư môn đồ Ngài mới tặng Ngài là Phật (Buddha ou Bouddha). Câu niệm: "Nam Mô A Di Đà Phật" do câu: "Nama Adhi Buddha" mà phát âm ra, song lại có người tưởng đâu là tiếng Tàu rồi giải nghĩa A là Kiên, Di là Khôn vân vân ... Thật là phi lý thay.

(*) Phụ ghi: Sách được soạn vào năm 1930. Thời bấy giờ người ta viết là GÉHOVAH, ngày nay là JÉHOVAH, cũng là một Đấng mà thôi.

TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÀ GÌ ?

Trong khoảng bốn năm trời mà liên lạc được hơn một triệu người cùng chung một lòng tín ngưỡng, ấy là một việc khó làm.

Ở nhằm đời mạt kiếp này, đương buổi thiên hạ xu hướng về lối văn minh vật chất, đeo đuổi theo cái chủ nghĩa kim tiền, mà dựng được một nền Đạo, lấy đức chí thành, lòng bác ái làm tôn chỉ đối phó với nhơn quần xã hội, lấy việc tôn tâm dưỡng tánh để đào luyện tinh thần cao siêu tục lự, lại là một việc khó làm hơn nữa.

Vậy, chúng tôi dám quyết đoán rằng từ xưa đến nay không có cái phong trào tôn giáo nào được thiên hạ hoan nghinh như Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tam Kỳ Phổ Độ là gì? Là phổ độ lần thứ ba bên cõi Á Đông (3è Amnistie de Dieu en Orient). Nguyên có ba Nguơn hội: Thượng Nguơn, Trung Nguơn, và Hạ Nguơn. Thượng Nguơn là Nguơn Tạo Hóa (Cycle de Création). Nhơn loại ở nhằm Thượng Nguơn vẫn còn giữ vẹn Thánh đức của Thượng Đế ban cho; tuy ăn cây ở lỗ mà giữ tánh thiên nhiên không sát sanh hại vật, không giành giựt lẫn nhau; tuy hình vóc xấu xa mà tánh tình chất phác, không gạt gẫm nhau, không mưu phản bạn. Ấy là thời đại thái bình, tức là Nguơn vô tội (Cycle de l'innocence).

Cuối kỳ Thượng Nguơn, con người vì nhiễm bụi trần mà lu Thánh đức, bỏ đường Thiên lý mà sa vào đường nhơn dục. Vì vậy Thượng Đế mới lập ra Tam Giáo để cứu độ nhơn sanh, tức là Nhứt Kỳ Phổ Độ.

Nhơn Đạo có Văn Xương Thánh Quân mở dạy. Tiên Đạo có Hồng Quân Lão Tổ lập thành. Phật Đạo có Nhiên Đăng Cổ Phật giáo truyền.

Được tạo hóa ra rồi, Nhơn loại tất phải có tấn hóa. Tấn hóa tất phải phân đầu. Phân đầu tất phải tiêu diệt. Ấy là thời kỳ Trung Nguon (Cycle de progrès, c'est à dire de lutte ou de destruction). Vì muốn giải thoát cho Nhơn sanh cái nạn tiêu diệt ấy, nên cuối kỳ Trung Nguon, Thượng Đế lập ra Nhị Kỳ Phổ Độ. Nhơn Đạo có Khổng Tử cảnh tỉnh Nhơn tâm để duy trì đạo đức. Tiên Đạo có Lão Tử dìu dẫn Nhơn sanh ra khỏi vòng thấp hèn vật chất mà xu hướng về lối cao thượng tinh thần. Phật Đạo có Thích Ca truyền bá cái chủ nghĩa từ bi bác ái cho sanh linh khỏi tiêu diệt lẫn nhau. Nhờ có Nhị Kỳ Phổ Độ, nên Nhơn loại ở cõi Á Đông này mới tránh khỏi cái nạn tự diệt; không tự diệt tất bảo tồn. Hạ Nguon tức là Nguon bảo tồn vậy (Cycle de Conservation).

Nay Hạ Nguon hầu mãn, Thiên Địa tuần hườn. Thượng Đế mới lập ra Tam Kỳ Phổ Độ hiệp Tam Giáo làm một mà qui hồi căn bản, tức là thời kỳ qui cổ (Retour à l'origine). Ấy Tam Giáo hiệp nhứt là cái chủ nghĩa của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đó vậy.

Ngoại trừ những kẻ chú trọng về chủ nghĩa vô thần, thì chẳng nói chi, ngoại trừ những người vì một lẽ riêng mà bài bác mỗi Đạo thì tự lòng người, còn những bậc tu hành trong Cửu Lưu Tam Giáo, tưởng cũng nên thừa cơ hội này, hiệp cùng chúng tôi mà lo cho Đạo Trời ngày một hồng khai, Nhơn tâm ngày một hướng thiện, thì cái công đức ấy tưởng có lẽ cao gấp mấy cái công phu tự tu, tự giác vậy. Vì mình độ được một người tu niệm tức là độ được một linh hồn khỏi đọa lạc; mình độ được nhiều người tu, tức là mình tu cho mình đó.

(1) Luận Ngữ có câu: "Thiên hạ chi vô đạo giả cửu hi. Thiên tương dĩ Khổng Tử vi một đạc". Nghĩa là: Thiên hạ không đạo đã lâu rồi. Trời cho Khổng Tử ra làm cái mỗ khuya để cảnh tỉnh Nhơn tâm.

SỰ TÍCH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Kể từ năm Bính Dần (1926), cái phong trào rất thịnh hành của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ làm cho nhiều nhà trí thức cùng các bậc thiện tín muốn kiếm biết cho rõ gốc tích Đại Đạo bởi đâu mà ra. Nên tôi xin đem hết lòng thành thật lược thuật cái uyên nguyên Đại Đạo trong năm Bính Dần ra sau đây, cho ai là người có chút quan tâm về đường đạo đức xem qua cho biết.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phát nguyên tại Saigon. Nhưng trước kỳ khai Đạo, Thượng Đế đã truyền lệnh cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, giáng cơ nhiều chỗ dựng cảnh tỉnh Nhơn tâm cùng để lời tiên tri rằng Đại Đạo hầu khai. Song vì ngày giờ chưa đến, Thiên cơ khó lậu, nên các Đấng ấy không chỉ rõ rằng Đạo sẽ mở tại đâu.

Như đàn tại Miếu Nổi (Bến Cát, Gò Vấp, Gia định), đêm 17 tháng sáu, năm Quý Hợi (30 Juillet 1923), Tào Quốc Cựu Đại Tiên giáng cơ dạy như vậy:

"Khá rán luyện cho nên Đạo kéo uổng. Người sanh trong đời khó gặp đặng, vì Đạo là rất báu trong đời, không chi bì kịp. Chư như có phước, có duyên, nên mới gặp Đạo mở kỳ này là kỳ thứ ba. Thiệt chư như có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. "Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ". Tiên Thánh đều lâm phạm mà độ kẻ nguyên nhân. Chư như là kẻ nguyên nhân. Hễ thành tâm làm Đạo thì tự nhiên đặng".

Đàn tại Đát Hộ (Chùa Ngọc Hoàng) đêm 22 tháng 7 năm Quý Hợi (2 Septembre 1923), Huê Quang Đại Đế giáng cơ như vầy:

"Huê phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,
Quang minh tứ hướng thượng tam tài.
Đại phước kim đơn thân đắc ngộ,
Đế quân giáng hạ nhữ vô tai".

Ngày 13 Juillet 1923, Tây Phương Giáo Chủ giáng cơ cho một bài Thánh ngôn chữ Tây như vầy:

"Le monde est comme une grande foire où l'on mène des bêtes de somme et des boeufs pour les vendre, où la plupart des gens viennent pour acheter ou pour vendre; bien peu pour se donner le spectacle de la foire; pour voir comment les choses s'y passent, en vue de quoi elles se font, quels sont ceux qui l'ont établie et pourquoi ils l'ont faite.

Ainsi, il en est de même de la grande foire de la vie. Bon nombre de gens semblables aux bêtes de somme ne s'y occupent d'autre chose que du fourrage, car vous tous, vous ne vous occupez que d'argent, de terre et de magistrature. Il n'y a dans tout cela que du fourrage. Bien peu, parmi les hommes qui sont assemblés ici, ont la curiosité d'examiner ce qu'est le monde et qui le gouverne.

N'y-a-t-il donc personne qui le gouverne? Comment serait-il possible qu'une ville ou une maison puissent subsister un seul instant sans quelqu'un qui les administrait et que ce grand et magnifique ensemble fuât maintenu dans un si bel ordre par les caprices du hasard? Il y a donc quelqu'un qui le régit. Quel est ce quelqu'un? Et comment le régit-il? Qui sommes nous, nous qui sommes nés de Lui. Y-a-t'il un lien entre Lui et nous et qu'avons nous à faire? Sommes-nous ou non en rapport avec Lui? Voilà les pensées de ce petit nombre qui ne songe d'ailleurs qu'à une chose, à quitter la foire après l'avoir bien regardée. Mais quoi? Le vulgaire se moque d'eux. C'est qu'en effet, à la foire, les marchands se moquent des simples spectateurs, et que les bêtes de somme, si elles avaient l'intelligence, se moqueraient de ceux qui attachent du prix à autre chose qu'au fourrage.

Le but de toutes les religions comme celui de tous les centres initiatiques mystérieux, est essentiellement le même, malgré la différence des moyens: ne tendre qu'à alléger l'âme du

poids de la matière, à l'épurer, à l'éclairer par l'irradiation de l'intelligence, afin que, désireuse de Biens spirituels et s'élançant hors du Cercle des Générations, elle puisse s'élever jusqu'à la source de son existence.

Les moyens d'ascension pour parvenir à un but si noble sont également communs aux religions, aux centres initiatiques. Ils comportent une partie exotérique (se dit de la doctrine enseignée publiquement par les anciens philosophes) et en premier lieu, la connaissance de Soi.

Vous ne pourrez rien faire pour parcourir la voie initiatique, si vous ne connaissez votre être en soi-même et dans ses rapports avec Dieu (Qui y Phật), avec la Nature (Qui y Pháph), avec l'Humanité (Qui y Tắng) dont vous dépendez et qui attendent votre action.

1/- Vous devez épurer le corps par une vie saine et régulière, par une hygiène bien comprise qui ne puisse ni alourdir la partie spirituelle par des joies trop animales, ni détruire le bon fonctionnement des organes par des privations inconsidérées. Une direction est utile pour atteindre ce juste milieu.

2/- L'esprit a besoin aussi d'éducation. Vous devez cultiver ses facultés sans lui laisser dessécher la vie sentimentale, ne lui permettre que des pensées dont les vibrations soient bienfaisantes autant en vous qu'autour de vous.

3/- Le coeur a besoin d'épanouissement: mais ce n'est pas l'épanouir que de vous faire un Dieu de votre personne. Seul l'altruisme lui donnera la paix et la joie nécessaire à son évolution.

Enfin pour répondre au besoin le plus élevé de notre nature, il est nécessaire d'admirer Dieu, de lui rendre dans notre cœur dans notre pensée un culte que nous parerons de toute la beauté possible, car l'amour et la reconnaissance se complaisent dans ces devoirs".

Lại ngày 11 Septembrie 1926, Đức Giê-Giu giảng cơ cho một bài Thánh ngôn chữ Tây như vậy:

NGÃ GIA-TÔ GIÁO-CHỦ GIÁNG-ĐÀN

Hỉ hiện sanh đấng đấng

Je viens, moi, votre Sauveur et votre Juge. Je viens, comme autrefois, parmi les fils égarés d'IsraeĤl. Je viens apporter la vérité et dissiper les ténèbres. Ecoutez-moi: Le Spiritisme, comme autrefois ma parole doit rappeler aux matérialistes qu'au-dessus d'eux règne

l'Immuable Vérité: Dieu Bon, le Dieu grand qui fait germer la plante et qui soulève les flots. J'ai révélé la doctrine divine; j'ai comme un moissonneur, lié en gerbes le bien épars dans l'humanité, et j'ai dit: "Venez à moi vous tous qui souffrez". Mais les hommes ingrats se sont détournés de la voie droite et large qui conduit au Royaume de mon Père, et ils se sont égarés dans les âpres sentiers de l'Impiété.

Mon Père ne veut pas anéantir la race humaine; il veut, non plus par des prophètes, non plus par des apôtres, il veut que, vous aidant les uns les autres, morts et vivants, c'est-à-dire selon la chair, (car la mort n'existe pas) vous vous secouriez et que la voix de ceux qui ne sont plus se fasse entendre encore pour vous crier: "Priez et Croyez"; car la mort est la résurrection, et la vie, l'épreuve choisie pendant laquelle vos vertus cultivées doivent grandir et se développer comme le cèdre.

Croyez aux voix qui vous répondent; ce sont les âmes elles-mêmes de ceux que vous évoquez.

Je ne me communique que rarement mes amis, ceux qui ont assisté à ma vie et à ma mort, sont les interprètes divins des volontés de mon Père.

Hommes faibles qui croyez à l'erreur de vos obscures intelligences, n'éteignez pas le flambeau que la Clémence divine place entre vos mains pour éclairer votre route et vous ramener, enfants perdus, dans le giron de votre Père.

Je vous le dis en vérité, croyez à la diversité à la multiplicité des esprits qui vous entourent. Je suis trop touché de compassion pour vos misères, pour votre immense faiblesse, pour ne pas tendre une main secourable aux malleureux égares qui voyant le ciel, tombent dans l'abime de l'erreur. Croyez, aimez, comprenez les vérités qui vous sont révélées; ne mêlez pas l'ivraie au bon grain, les systèmes aux vérités.

Spirites, aimez-vous voilà le premier enseignement. Instruisez-vous, voilà le second. Toutes vérités se trouvent dans le Dao (Christianisme, Taoisme, Bouddhisme, Confucianisme). Les erreurs qui y ont pris racine sont d'origine humaine. Et voilà qu'au-delà du tombeau que vous croyez le néant, des voix vous crient: "Frères, rien ne périt, Jésus Christ est le vainqueur du Mal, soyez les vainqueurs de l'Impiété".

THƯỢNG ĐẾ THÂN PHỤC QUAN PHỦ NGÔ VĂN CHIÊU

Khi Quan phủ Ngô Văn Chiêu trần nhậm tại Hà Tiên (nhằm năm 1919) ông thường thiết đàn thỉnh Tiên để cầu thuốc cứu chữa bệnh nhân cùng học hỏi về đường đạo đức. Có một vì giáng

cơ xưng là Cao Đài Tiên Ông thường kêu đích danh quan phủ Chiêu mà dạy Đạo. Chư như hầu đàn thầy đều lấy làm lạ, vì thuở nay không hề thấy trong kinh sách nào nói đến Cao Đài Tiên Ông bao giờ, duy có một mình quan phủ Chiêu thông minh huệ trí, xem ý tứ trong mấy bài thi của Đức Cao Đài giảng cơ, thì nhận chắc rằng Ngài là Thượng Đế giảng lâm. Từ đó ông Chiêu lại càng kính trọng Đức Cao Đài hơn nữa và xin phép lập vị phượng thờ. Đức Cao Đài bèn dạy vẽ Thiên Nhân mà thờ.

Kịp khi ông Chiêu thiên nhậm về Saigon, ông lựa trong bạn đồng chí những vị nào có ít nhiều đạo đức mà khuyên thờ Đức Cao Đài và chuyên việc tu tâm dưỡng tánh. Chư vị ấy là: Quan phủ Vương Quan Kỳ, ông phán Nguyễn Văn Hoài, ông phán Võ Văn Sang, ông đốc học Đoàn Văn Bản.

Đó là mối Đạo mới bắt đầu phả ra, song ông Chiêu vẫn là người rất nên dè dặt, nếu không phải là bạn đồng tâm mật thiết thì không bao giờ ông khuyên việc tu hành; vì vậy mà mối Đạo ít người biết rõ

THƯỢNG ĐẾ THÂU PHỤC MẤY VỊ PHÒ LOAN

Ông Cao Quỳnh Cư người gốc ở Tây ninh, xuống làm việc tại sở Hòa xa Saigon. Ông mướn phố ở đường Bourdais. Ông có một người vừa là đồng hương vừa là bạn thiết, là ông Phạm Công Tắc nguyên làm việc tại sở Thương Chánh Saigon, và một người cháu là ông Cao Hoài Sang cũng làm việc tại sở Thương Chánh. Ba người này thân thiết với nhau lắm, đêm nào cũng hiệp nhau một chỗ, khi đờn địch, lúc ngâm thi, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử. Lối tháng sáu năm Ất Sửu (1925), ba người lại bắt đầu tập xây bàn chơi. Ban đầu tính cầu thủ một vị thi hữu quá vắng là ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quý Cao. Quả nhiên vị ấy đến, chào hỏi nhau, nhắc sơ đến tình cô hữu, rồi gõ bàn cho một bài thi như vậy:

"Nhấn nhủ mấy anh một ít lời,
Làn mây hôn trẻ đã xa chơi.
Mẹ già nỗi hiếu chưa rời đạo,
Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót xáy,
Buồn trông làng cũ mắt chơi vơi.
Ai về gởi lại tình sông núi,
Kiếp khác ơn sinh sẽ đắp bồi".

Ông Nguyễn Trung Hậu tự Thuận Đức nguyên trước là bạn thi hữu với ông Huỳnh Quý Cao, được nghe tin ấy, bèn đến nhà ông Cao Quỳnh Cư mà xin ông xây bàn để thỉnh ông Quý Cao về chơi. Ông Cư, ông Tắc, ông Sang đem bàn ra, thấp nhang vái ông Quý Cao, rồi xúm nhau

để tay lên bàn, còn ông Hậu thì cầm giấy viết sẵn để chép. Cách chừng 15 phút đồng hồ, thì có ông Quý Cao về nhập bàn, cho một bài thi tứ tuyệt như vậy:

Âm Dương tuy cách cũng chung Trời,
Sinh tịch đời người có bấy thời.
Chén rượu đồng tâm nghiêng ngửa đổ,
Thương nhau nhắn nhủ một đôi lời.

Thấy vậy, ông Hậu cũng còn nửa tin, nửa nghi, ông bèn nói rằng: "Tôi sẵn có làm một bài thi đem theo đây, xin đọc cho anh nghe và xin anh họa lại chơi cho vui". Ông Quý Cao bèn gõ bàn hai cái, nghĩa là ưng chịu. Bài thi ông Hậu như vậy:

Mấy năm vùng vẫy cũng tay không,
Nào khác chiêm bao một giấc nồng.
Cữ nắng tuần mưa dày dạn mặt,
Mỗi danh bả lợi ngẩn ngơ lòng.
Ngày qua thôn môn xuân thu đập,
Gương rạng phui pha cát bụi lòng.
Chừ gặp cố nhân lời ướm hỏi,
Hỏi ra cho biết nẻo cùng thông.

Ông Quý Cao liền gõ bàn họa lại một mạch, không ngập ngừng chút nào cả. Bài họa như vậy:

Một tiếng u minh gió cửa không,
Phồn ba giục tỉnh giấc đương nồng.
Ngồi thuyền Bát nhã qua tình biển,
Mượn nước nhành dương rưới lửa lòng.
Cuộc thế lạnh lùng lẫn gió lọt,
Đường đời ngán ngẫm bụi trần lòng.
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên đạo,
Oan trái phui rồi phép Phật thông.

Sau lần lần có nhiều vị thiêng liêng khác nhập bàn. Mỗi lần đều có xướng họa thi chương, chỉ cách làm văn, thích nghĩa truyện Kiều, và dạy dỗ về đường đạo đức. Trong mấy Đấng thiêng liêng ấy, lại có một vị xưng là "A Ẳ Ầ". Bắt đầu hết, Ngài phán rằng: "Muốn cho Bàn Đạo đến thường, xin chừ vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bàn Đạo như sau đây: Một là đừng kiếm mà biết Bàn Đạo là ai; hai là đừng hỏi đến quốc sự; ba là đừng hỏi đến Thiên cơ". Mấy ông xây bàn đều hứa giữ theo mấy điều ấy. Từ đây sự giao thiệp của người khuất mặt với kẻ đương gian càng ngày càng thêm mật thiết, không đêm nào là không xây bàn cầu thỉnh. Một hôm có ông Phạm Minh Kiên và ông Lê Thế Vĩnh vốn là người viết báo, đến viếng ông Cao Quỳnh Cư đương buổi Đức "A Ẳ Ầ" về bàn, ông Cư bèn xin Ngài cho mỗi người khách một bài thi để làm kỷ niệm. Đức "A Ẳ Ầ" đáp: "Để Bàn Đạo cho chung hai người một bài thi mà

thôi". Ai nấy đều lấy làm lạ nghĩ vì tâm sự mỗi người mỗi khác, hai người mà chung một bài thi thi thế nào được. Đức "A Ồ Ồ" gõ bàn cho một bài thi tứ tuyệt như vậy:

Một viết với thân giữa diển đàn,
Bằng xua trước giặc vạn binh lang.
Đạo đời ví biết đời là trọng,
Dạy dỗ sao choặng mở mang.

Ai nấy đều khen bài thi chỉ có bốn câu mà gồm đủ bộ vận hai nhà làm báo. Một hôm khác, ông Hậu bạch cùng Đức "A Ồ Ồ" như vậy: "Tôi còn nhớ hai câu đối thuở nay chưa ai đối được. Xin đem ra cho Ngài đối chơi". Đức "A Ồ Ồ" bèn đáp: "Bần Đạo xin hầu đối, nhưng nếu đối ra không chững, quý vị chớ cười và niệm tụng Bần Đạo mà chấn chỉnh lại cho".

Câu đối ông Hậu ra: "Ngồi trên ngựa đùng bò con nghé!"
Đức "A Ồ Ồ" đối lại: "Cỡi lưng trâu chó khí thẳng tê!"
Câu đối ông Hậu ra: "Ngựa chạy mang lạc".
Đức "A Ồ Ồ" đối lại: "Cò bay le bè".

Từ đây ông Hậu mới phục tài Đức "A Ồ Ồ" và hết lòng tin tưởng có người khuất mặt. Không bao lâu, người đến hầu đàn tại nhà ông Cao Quỳnh Cư càng ngày, càng đông; trong ấy có ông Trương Hữu Đức, làm việc ở sở Hỏa xa, và ông Bồng Dinh, tục kêu là Giáo Sỏi làm việc tại đình Hiệp lý Saigon.

Một hôm khác, ông Bồng Dinh bạch cùng Đức "A Ồ Ồ" rằng: "Trong Kiều có câu: Sừa san níp tử, xe châu, Vui nông một nắm mặc dầu cỏ hoa. Chẳng hay níp tử, xe châu là gì, xin Ngài chỉ giáo".

Đức "A Ồ Ồ" đáp: "Níp Tử là cái rương của thầy Khổng Tử, xe Châu là cái xe của Châu Võ Vương ngồi đi phạt Trụ. Cái rương của Thầy Khổng Tử dùng đựng sách vở, tức là văn chương. Người văn sĩ thác rồi, thì bao nhiêu học thức văn chương cùng theo xác thịt mà chôn vào quan cửu. Nên Nguyễn Du mới dùng hai chữ níp tử để gọi cái quan tài của bậc văn chương tài tử là nàng Đạm Tiên. Vua Châu Võ Vương ngồi long xa đi phạt Trụ, tức là gồm râu giang san nhà Trụ vào đấy. Còn người ở đời làm được bao nhiêu sự nghiệp, khi thác rồi cũng phải tay không, thì chẳng khác nào bao nhiêu sự nghiệp tự mình gầy dựng ra trong buổi sanh tiền, sau khi nhắm mắt rồi, thầy đều râu vào trong linh xa vậy. Cho nên Nguyễn Du mới dùng hai chữ xe Châu để gọi cái linh xa của bậc tài tình bạc mạng.."

Một hôm khác, ông Cư bàn với các bạn rằng: "Bình sanh tôi lấy làm phục thi văn ông Lý Bạch. Vậy chúng ta cầu thử Ngài coi".

Đoạn các bạn mới thấp nhang ra giữa trời khấn vái. Quả nhiên có Lý Đại Tiên đến cho một bài thi bát cú như vậy:

Đường trào hạ thế hưởng tam quan,
Chẳng quản công danh, chí vị nhân.
Ly rượu trăm thi lời vẫn nhắc,
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thơ văn đồ chứa chan.
Bồng Đào còn mơ ngày bút múa,
Tả tinh thế sự, vẽ giang san".

Đoạn thỉnh ông Đỗ Phủ đến họa vận, Ngài họa như vậy:

Chẳng nề công khanh, bỏ ấn quan,
Bồng Lai riêng thú hưởng thanh nhân.
Thi Thần vui vịnh ngoài rừng Trước,
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.
Nắng hạ Trời thương đưa gió quạt,
Nồng thu Đất cảm đổ mưa chan.
Vân du thế giới vui mùi đạo,
Sớm đạo Kỳ san, tối Cẩm san".

Từ đây, các bạn "xây bàn" lấy làm đặc chí, vì hễ cầu thỉnh vị Tiên Thánh nào thì được nấy. Ấy là cách Thượng Đế sắp đặt để thu phục mấy vị phò loan hầu ngày sau chấp cơ truyền Đạo.

Nhưng ông Cư thường than phiền rằng thông công cùng chư Thần Thánh bằng cách xây bàn lấy làm bất tiện, nên vào lối thượng tuần tháng tám, năm Ất Sửu, một vị Tiên Cô xưng là Thất Nương nhập bàn dạy phải kiếm Ngọc Cơ mà dùng. Ông Cư hỏi thăm mượn được cơ của ông ký Tý (cũng ở đường Bourdais) và cậy ông đến nhà chỉ giùm cách chấp cơ thế cho bàn. Từ đây có cơ rồi, mỗi đêm đều có Thần Tiên giáng cơ dạy đạo. Khi ấy, Đức "A Ồ A" mới phân với mấy ông Cư, Tắc, Sang rằng: "Muốn cho Ta tận tâm truyền Đạo, phải kêu Ta bằng Thầy cho tiện bề đối đãi". Ba ông ấy vui lòng vung chịu, từ đây giữ nghĩa thầy trò, tình giao thiệp càng thêm mật thiết.

Mãi đến đêm Noel (24 Décembre 1925), Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, mấy ông Cư, Tắc, Sang nửa mừng, nửa sợ, lật đặt sấm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai ông Cư, Tắc mới ngồi lại chấp cơ. Cơ giáng như vậy:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

"Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ơn Thiên.
Đạo màu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên".

Đêm nay phải vui mừng vì là ngày Ta đã xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đặng thấy chư đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà nầy sẽ đầy ơn Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa".

Đức Cao Đài lại phán rằng: "Bấy lâu Thầy vẫn tá danh “A Ồ Ồ” là cốt để diu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây các con phải ra giúp Thầy mà khai Đạo. Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là đường nào chưa? Các con nên bắt chước Thầy trong mây mùn thì mới xứng đáng là người đạo đức".

Đến đêm 1er Janvier 1926, có một người phụ nữ bên Đạo Thiên Chúa đến nhà ông Cao Quỳnh Cư mà phân như vậy: "Xin cho tôi để thử trên bàn cầu cơ hình Đức Chúa Giê Giu và một cây Thánh Giá. Nếu Đức Cao Đài là Thượng Đế thật, thì mới giáng cơ được, bằng là Quỷ Vương, thấy hai vật báu ấy tự nhiên phải tránh".

Ông Cư bằng lòng cho thử, đoạn cùng ông Tắc ngồi lại cầu cơ. Đức Cao Đài giáng cơ như vậy:

"Các con hiểu Jésus là ai chẳng? Trước Ta đổ máu cho loài người vì thương yêu. Nay ta đến cứu loài người cũng vì thương yêu. Bậy đủ thương yêu Ta đường ấy chẳng? Ta cầu bậy biết ăn năn. Ta trông thấy bậy biết ăn năn hầu cứu chữa bậy".

Từ đây mấy ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức đều hết lòng thờ phượng tin tưởng Đức Cao Đài và lo dưỡng tánh tu tâm để chuyên bề đạo đức.

(*1) Phụ ghi: Trong TNHT bài thơ ấy như sau:

Chẳng kể công khanh bỏ ấn quan,
Bồng lai vui Đạo hưởng thanh nhàn.
Thi Thần vui hứng ngoài rừng Trước,
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.
Nông hạ Trời thương đưa gió quạt,
Nắng thu Đất cảm đổ mưa chan.
Vân du thể giải vui mùi đạo,

Mời viếng Kỳ san, tối Cẩm san.

(*2) Phụ ghi: Trong TNHT có thêm câu: “Giờ ngày gần đến đợi lệnh nơi Ta”.

THƯỢNG ĐẾ THÂU PHỤC ÔNG CỰU THƯỢNG NGHỊ VIỆN LÊ VĂN TRUNG (Cholon)

Vào khoảng tháng tư nhuận, năm Ất Sửu (Juin 1925) trong Chợ Gạo (Cholon) thường đêm có thiết đàn thỉnh Tiên. Một hôm, ông Hội đồng Thành phố Cholon Nguyễn Hữu Đắc gặp ông Lê Văn Trung đang đi dạo mát; ông Đắc bèn rủ ông Trung lên Chợ Gạo hầu đàn. Biết chỗ rồi từ đây mỗi lần lên Chợ Gạo có cầu cơ thì ông Trung đều đến. Lần lần ông nhiễm thâm mùi Đạo, một ngày một tỉnh ngộ, phé lần gia đình thế sự, rồi trường trai giữ giới mà chuyên việc tu hành. Sau khi độ được ông Trung rồi, chư Tiên liền dạy bé đàn Chợ Gạo, làm cho chư nhũ thầy đều ngỡ ngàng không rõ cơ chi.

Mãi đến ngày mồng năm tháng chạp, năm Ất Sửu (28 Janvier 1926) ở Saigon, Đức Thượng Đế giáng cơ dạy hai ông Cư Tắc đem cơ vô nhà ông Trung (Cholon, Quai Testard) cho Ngài dạy việc. Hai ông này lấy làm bỡ ngỡ vì thuở nay chưa hề quen biết ông Trung, nhưng lệnh trên đã dạy, dưới phải vâng theo.

Hỏi thăm tìm đến ông Trung, ông Cư thuật rõ đầu đuôi, thì ông Trung lòng rất hoan nghinh, lật đật sắm sửa thiết đàn, Thượng Đế giáng cơ dạy Đạo và khuyên việc tu hành. Ngài lại phán rằng Ngài đã sai Lý Thái Bạch diu dắt ông Trung nơi đàn Chợ Gạo đã lâu rồi. Ngài lại dạy: Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy.

"Một Trời, một Đất một nhà riêng,

Dạy dỗ như sanh đặng dạ hiền.

Cầm mối Thiên cơ lo cứu chúng,

Đạo người vẹn vẽ mới thành Tiên".

Từ đây ông Trung ngửa vâng Thánh ý, thâu xếp việc nhà, một dạ xả thân hành đạo.

HIỆP VỚI ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU

Cách đâu ít ngày, Thượng Đế giáng cơ dạy mấy ông Trung, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức phải hiệp với ông phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài lại dạy rằng mỗi mỗi phải do nơi ông Chiêu là Anh cả. Lúc này trong Đạo kể được 13 người là: Ngô Văn Chiêu, Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức.

Đến đêm 30 tháng chạp, năm Ất Sửu (12 Février 1926) Thượng Đế giáng cơ cho mỗi người một bài thi như vậy:

1.- Bài thi cho ông Võ Văn Sang:

"Tân dân hỉ kiến đắc tân niên,
Phổ độ tam kỳ bá thế hiền.
Nhứt tịnh chủ tâm chơn đạo lý,
Thăng Thiên huyệt địa chỉ như nhiên".

2.- Bài thi cho ông Cao Quỳnh Cư:

"Sấp út thương hơn cũng thế thương,
Cái yêu, cái dạy ấy là thương.
Thương không nghiêm trị là thương dối,
Dối dạ vì chưng yếu dạ thương".
Cư, trong năm mới này, Thầy trông mong con rõ đạo đức thâu hơn nữa. Gắng chí nghe.

3.- Bài thi cho ông Vương Quan Kỳ:

"Nhứt nhứt tân hề nhứt nhứt tân,
Niên đáo tân hề đạo dữ tân.
Vô lao công quả tu đương tác,
Niên quá niên hề đạo tối tân".

4.- Bài thi cho ông Lê Văn Giảng:

"Trần tục là nơi chỗ biển buồn,
Nghe nơi Đại Đạo rần nghe luôn.
Ở trong nhà sẵn Thầy đưa khó,
Ách nạn chi chi cũng chảy tuôn".

5.- Bài thi cho ông Nguyễn Trung Hậu tự Thuần Đức:

"Thuần phong mỹ tục giáo nhơn sanh,
Đức hóa thường lao mặc vị danh.
Hậu thế lưu truyền gia pháp quý,
Giáo dân bất lậu, tán thời manh".

6.- Bài thi cho ông Nguyễn Văn Hoài:

"Vô vi tối yếu đạo đương cầu,
Đệ tử tâm thành bất viễn ưu.
Thế sự vô duyên, vô thế sự,
Tiêu tư bất xuất ngoại gian đầu".

7. - Bài thi cho ông Phạm Công Tác:

"Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,

Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.

Muốn giàu Thầy hứa đem cho của,

Cái của, cái công phải trả đồng".

Nghe con, rán học Đạo, không Thầy biểu Chiêu đánh.

8. - Bài thi cho ông Đoàn Văn Bản:

"Thương thay trung tín một lòng thành,

Chẳng kể quan mà chẳng kể danh.

Thiệt thòi bấy phận không con nôi,

Thấy rứa lòng Ta cũng chẳng đành".

9. - Bài thi cho ông Lý Trọng Quý:

"Lỡ một bước, lướt một ngày,

Một lòng thành thật chớ đơn sai.

Lôi thôi buổi trước nhiều ân xá,

Lấp lửng đừng làm tội bữa nay".

10.- Bài thi cho ông Lê Văn Trung:

"Đã thấy ven mây ló mặt Dương,

Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.

Đạo cao phó có tay cao độ,

Gần gũi sau ra vạn dặm trường".

THĂNG

Tái cầu lại (nhằm 11 giờ khuya, giờ Tý năm Bính Dần) Thượng Đế dạy rằng:

"Chư đệ tử nghe: Chiêu buổi trước hứa lời truyền Đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, diu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó.

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu đi độ người. Nghe và tuân theo.

Bản, Sang, Giảng, Quý, lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.

Đức, tập cơ, Hậu, tập cơ, sau theo mấy anh đặng độ người. Nghe và tuân theo".

Ấy là lời Thánh giáo đầu tiên. Ấy là kỷ niệm ngày khai Đạo mồng một giờ Tý năm Bính Dần vậy.

Qua đến đêm mồng 9, nhằm ngày Vía Trời, quan phủ Vương Quan Kỳ thiết đại đàn tại nhà ông ở đường Lagrandière. Đêm ấy có mời chư nhu và mấy vị đạo hữu kia hầu đàn.

Thượng Đế giảng cơ dạy như vậy:

"Bửu tòa thơ thói trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rón vun nên đạo đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta".

“Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hòa nhau hoài; ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con; các con tức là Thầy. Phải làm cho nhau đặng thế lực, đừng ganh gổ nghe. Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ ý muốn của Thầy”.

Khi ấy quan phủ Ngô Văn Chiêu xin Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử mà làm cho một bài thi kỷ niệm. Thượng Đế bèn cho một bài thi tứ tuyệt:

"CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
QUỒN MINH MÂN đảo thủ đài danh".

Thượng Đế lại phán: Quồn, Minh, Mân sau sẽ rõ.

Nguyên 12 chữ lớn trong ba câu trên là tên của 13 vị môn đệ trước hết của Thượng Đế, (có hai tên Sang: Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang). Còn ba chữ lớn ở câu chót vẫn là tên của ba vị hầu đàn.

(*1) Đêm ấy hai ông Cao Hoài Sang và ông Trương Hữu Đức vắng mặt.

(*) Phụ ghi: Trong TNHT chữ Hườn.

ÔNG NGÔ VĂN CHIÊU TÁCH RIÊNG

Ông Trung vẫn vâng Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bề tự giác. Ý ông không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu: "Ngô thân bất độ hà thân độ?" mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 14 tháng ba, năm Bính Dần

(24 Avril 1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý.

Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau vì một đảng (ông Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mỗi Đạo, một đảng (ông Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bề tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng, thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế.

ĐÀN LỆ

Trước ngày ông Chiêu tách riêng ra, Thượng Đế đã thân phục nhiều vị có học thức và danh giá như quan Đốc phủ Lê Bá Trang, Quan phủ Nguyễn Ngọc Tương, Quan phủ Lê Văn Hóa, Quan phủ Mạc Văn Nghĩa, hai vợ chồng Quan huyện Nguyễn Ngọc Thơ, ông Lê Văn Lịch, ông Nguyễn Văn Tương, ông Trần Đạo Quang, ông Nguyễn Văn Kinh, ông Lâm Quang Bính thấy đều là trang rường cột trong nền Đại Đạo. Chư vị phò loan ngoài năm ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, lại thêm được mấy ông Cao Quỳnh Diêu, Ca Minh Chương, Phạm Tấn Đài, Phạm Văn Tươi, Nguyễn Văn Kim, Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Trảng, Huỳnh Văn Mân, Võ Văn Nguyên.

Nguyên ban đầu, mấy ông Trung, Kỳ, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, Bản, Giảng mỗi đêm đều tựu lại khi ở nhà ông Trung (Rue Testard Cholon), khi ở nhà ông Cư (Rue Bourdais Saigon), khi ở nhà ông Bản (Cầukho) để cầu Thượng Đế giảng cơ dạy Đạo. Mà hễ mỗi lần có chur nhu đến xin nhập môn, Thượng Đế lại dạy phải đến Đại đàn Cầu kho. Vì vậy mà nhà ông Bản thành ra một cái đàn lệ, rồi gọi là Tiểu Thánh Thất, Thánh Thất Cầu kho ban đầu rất chật hẹp: Đồ đạc thiếu trước hụt sau, vị chủ nhà lúc bấy giờ đương ở trong vòng bản chật, không đủ sức sắm đồ vật để thờ cho xứng đáng. Bàn thờ chỉ là một cái ghé nhỏ bằng cây đá tì. "Thiên nhân" chỉ vẽ trong một mảnh giấy cao cao chừng ba tấc, ngang độ hai tấc tây. Chiều đệm cũng không đủ trải mà lạy. Tình cảnh tuy nghèo, mà mấy chục bản đạo mới không hổ, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn. Không bao lâu lại được nhiều vị đạo tâm lo sửa sang Thánh Thất lại mới có chút vẻ vang: Quan phủ Vương Quan Kỳ lo chương quản việc cúng tế trong đàn và thuyết đạo, ông Đoàn Văn Bản, ông Nguyễn Trung Hậu, ông Tuyết Tấn Thành và ông Lê Thế Vĩnh lo sửa soạn dọn dẹp nơi Thất cho có trang nghi. Ông Lê Văn Giảng, ông giáo Hiến cùng một ít đạo hữu nữa lo sắm đồ đạc lặt vặt trong Thất.

Đương khi ở Thất Cầu kho, quan phủ Vương Quan Kỳ cùng mấy vị vừa kể trên đây lo thiết đàn giảng đạo, ông Lê Văn Trung lại cùng với mấy ông Cư, Tắc, Nghĩa xuống miệt Cần giộc lập đại đàn, khi thì ở chùa "Vĩnh Nguyên" khi lại ở "Hội Phước". Thêm có quan phủ Nguyễn Ngọc Tương, quan phủ Lê Văn Hóa, ông Lê Văn Lịch và ông Ngô Văn Kim giúp sức vào, nên trong mấy quận Cần Giuộc, Cần Đức, thiên hạ nhập môn nườm nượp; mỗi một lần thiết đàn số người cầu đạo kể có tít ngàn.

Cách không bao lâu, Thượng Đế dạy lập thêm năm cái đàn lệ nữa, kể chung với đàn Cầu kho là sáu cái:

1.- Một cái đàn ở Cầu kho do quan phủ Vương Quan Kỳ chứng đàn, sau lại có mấy ông Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với quan phủ Kỳ để luân phiên nhau mà lo việc cúng kiếng. Ông Nguyễn Trung Hậu và ông Trương Hữu Đức phò loan. Lo sắp đặt việc lễ, có mấy ông: Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giỏi, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường.

2.- Một cái đàn ở Cholon, tại nhà quan cựu Nghị viên Lê Văn Trung. Ông này cùng quan phủ Lê Bá Trang chứng đàn. Còn hai ông Cao Quỳnh Diêu và Cao Hoài Sang thì phò loan.

3.- Một cái đàn ở Tân Kim (Cần Giuộc), tại nhà ông cựu hội đồng địa hạt Nguyễn Văn Lai. Quan phủ Nguyễn Ngọc Tương và ông Lê Văn Lịch chứng đàn. Hai ông Ca Minh Chương, Phạm Văn Tươi phò loan. Lo sắp đặt việc lễ có mấy ông: Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Ti, Võ Văn Kinh.

4.- Một cái đàn ở Lộc Giang (Cholon) tại chùa "Phước Long" của ông Yết Ma Giồng. Chứng đàn là quan phủ Mạc Văn Nghĩa, ông Yết Ma Giồng. Phò loan: hai ông Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Trảng.

5.- Một cái đàn ở Tân Định, tại nhà quan huyện Nguyễn Ngọc Thơ. Ông này chứng đàn. Còn phò loan là hai ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc.

6.- Một cái đàn nữa ở Thủ Đức, tại nhà ông Ngô Văn Điều. Ông này chứng đàn. Phò loan: ông Huỳnh Văn Mai, ông Võ Văn Nguyên.

Ngoài đàn lệ, lại còn thiết đại đàn ở nhiều chỗ khác để giúp vào cuộc phổ thông Thiên Đạo.

Thượng Đế lại dạy lập một cái đàn riêng nơi nhà ông Đội Trần Văn Tạ để cứu chữa bệnh nhơn. Công quả ấy về phần ông Trần Văn Tạ và con ông là Trần Văn Hoàng lo lắng.

(*1) Trang rường cột trong Đạo còn nhiều vị rất xứng đáng nữa như quan Đốc phủ Nguyễn Văn Ca, quan cựu Hội Đồng Quản Hạt Nguyễn Văn Hoài, quan Huyện Lê Văn Hộ, nhưng nhập môn sau ngày khai Đạo.

KHAI ĐẠO NƠI CHÁNH PHỦ

Ngày 23 tháng tám năm Bính Dần (29-9-1926) ông cựu Thượng nghị viên Lê Văn Trung vâng Thánh ý hiệp với chư Đạo hữu hết thầy là 247 người, tại nhà ông Nguyễn Văn Tường đứng tên vào Tịch Đạo để khai Đạo với Chánh Phủ.

Tờ Khai Đạo đến mừng một tháng chín (7-10-1926) mới gửi lên Chánh Phủ cho Quan Nguyên Soái Nam Kỳ là ông Le Fol. Trong tờ ấy có 28 người ký tên thay mặt cho cả chư Đạo hữu có tên trong Tịch Đạo.

Tờ khai Đạo ấy, làm bằng chữ Langsa (Francais), phiên dịch ra như sau này:

SAIGON, le 7 Octobre 1926.

Kính cùng Quan Thống Đốc Nam Kỳ, Saigon.

Chúng tôi đồng ký tên dưới đây, kính cho Quan lớn rõ:

Vốn từ trước, tại cõi Đông Pháp có ba nền Tôn Giáo là: Thích giáo, Lão giáo và Không giáo. Tiên nhơn chúng tôi sùng bái cả ba Đạo ấy, lại nhờ do theo tôn chỉ quý báu của các Chương Giáo truyền lại mới được an cư lạc nghiệp. Trong sử còn ghi câu: "Gia vô bế hộ, lộ bất thập di", chỉ nghĩa là con người thuở ấy, an nhàn cho đến ban đêm ngủ không đóng cửa nhà, còn ngoài đường thấy của rơi không ai thêm lượm.

Nhưng buồn thay cho đời thái bình phải mất vì mấy duyên cớ sau này:

1. Những người tu hành đều phân chia ra nhiều phe, nhiều phái mà kích bác lẫn nhau, chớ tôn chỉ của Tam Giáo đều như một là làm lành lánh dữ và kính thờ Đấng Tạo Hóa.
2. Lại canh cải mỗi chánh truyền của các Đạo ấy làm cho thất chân truyền.
3. Những dư luận phản đối nhau về Tôn giáo, mà ta thấy hằng ngày cũng tại bã vinh hoa và lòng tham lam của nhơn loại mà ra. Nên chỉ người Annam bây giờ đều bỏ hết những tục lệ tận thiện, tận mỹ ngày xưa.

Thấy tình thế như vậy mà đau lòng, cho nên nhiều người Annam, vì căn bản, vì Tôn giáo, đã tìm phương thể hiệp Tam Giáo lại làm một (qui nguyên phục nhứt) gọi là Đạo Cao Đài hay là Đại Đạo.

May mắn thay cho chúng sanh, Thiên tòng nhơn nguyện, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng đàn dạy Đạo và hiệp Tam Giáo lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại cõi Nam này.

Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại ân xá lần thứ ba, những lời của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hằng giáng cơ dạy Đạo dạy chúng tôi đều cốt để truyền bá tôn chỉ Tam Giáo.

Đạo Cao Đài dạy cho biết:

1. Luân lý cao thượng của Đức Khổng Phu Tử.
2. Đạo đức của Phật giáo và Tiên giáo là làm lành lánh dữ, thương yêu nhơn loại cư xử thuận hòa, mà lánh cuộc loạn ly giặc giã.

Chúng tôi gửi theo đây cho Quan lớn nghiệm xét:

1. Một bản sao lục Thánh Ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.
2. Một bản phiên dịch Thánh Kinh.

Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nhơn loại được cộng hưởng cuộc hòa bình như buổi trước. Được như vậy, chúng sanh sẽ thấy đặng thời kỳ mới mẻ, cực kỳ hạnh phúc không thể nào tả ra đặng.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người Annam mà đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi, và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch ghim theo đây, đến khai cho Quan lớn biết rằng: Kể từ ngày nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin Quan lớn công nhận Tờ Khai Đạo của chúng tôi.

Ký tên:

- | | |
|----------------------|--|
| Mme Lâm Ngọc Thanh, | Nghiep chủ ở Vũng Liêm. |
| M. Lê Văn Trung, | Cựu Thượng Nghị Viện,
thường thọ Ngũ Đẳng Bửu Tinh (Chợ Lớn). |
| - Lê Văn Lịch, | Thầy tu - làng Long An (Chợ Lớn). |
| - Trần Đạo Quang, | Thầy tu - làng Hạnh Thông Tây (Gia Định). |
| - Nguyễn Ngọc Tương, | Tri phủ - chủ quận Cần Giuộc. |
| - Nguyễn Ngọc Thơ, | Nghiep chủ - Sài Gòn. |
| - Lê Bá Trang, | Đốc Phủ Sứ - Chợ Lớn. |
| - Vương Quan Kỳ, | Tri Phủ sở Thuế Thân - Sài Gòn. |
| - Nguyễn Văn Kinh, | Thầy tu - Bình Lý Thôn, Gia Định. |
| - Ngô Tường Vân, | Thông Phán - Sở Tạo Tác, Sài Gòn. |
| - Nguyễn Văn Đạt, | Nghiep chủ - Sài Gòn. |
| - Ngô Văn Kim, | Điền chủ - Đại Hương Cả, Cần Giuộc. |
| - Đoàn Văn Bản, | Đốc Học trường Cầu Kho. |
| - Lê Văn Giảng, | Thơ toán hảng Ippolito - Sài Gòn. |
| - Huỳnh Văn Giới, | Thông Phán sở Tân Đảo - Sài Gòn. |
| - Nguyễn Văn Tường, | Thông Ngôn sở Tuần Cảnh - Sài Gòn. |
| - Cao Quỳnh Cư, | Thư ký Sở Hòa Xa - Sài Gòn. |

- Phạm Công Tắc,	Thư ký Sở Thương Chánh - Sài Gòn.
- Cao Hoài Sang,	Thư ký Sở Thương Chánh - Sài Gòn.
- Nguyễn Trung Hậu,	Đốc Học Trường Tư Thục Đa Kao.
- Trương Hữu Đức,	Thư ký Sở Hòa Xa - Sài Gòn.
- Huỳnh Trung Tuất,	Nghiệp chủ Chợ Đũi - Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Chức,	Cai Tổng - Chợ Lớn.
- Lại Văn Hành,	Hương Cả - Chợ Lớn.
- Nguyễn Văn Trò,	Giáo Viên - Sài Gòn.
- Nguyễn Văn Hương,	Giáo Viên - Đa Kao.
- Võ Văn Kinh,	Giáo Tập - Cần Giuộc.
- Phạm Văn Tỷ,	Giáo Tập - Cần Giuộc.

(*) **Phụ ghi:** Phần này có ghi trong Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, và trong quyển Tiểu Sử của Đức Qu. Giáo Tông do Phối Sư Thượng Cảnh Thanh biên soạn.

PHỔ ĐỘ LỤC TỈNH

Khai Đạo xong rồi, việc phổ độ lục tỉnh kể từ tháng chín năm Bính Dần chia ra như vậy:

1.- Mấy ông: Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Đạo Quang lo phổ độ trong mấy tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá.

Ông Cao Quỳnh Cư và ông Phạm Công Tắc phò loan.

2.- Mấy ông Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật, lo phổ độ trong mấy hạt: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Bến Tre.

Ông Nguyễn Trung Hậu và ông Trương Hữu Đức phò loan.

3.- Mấy ông: Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung lo phổ độ trong mấy hạt: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Gia Định, Biên Hòa, Bà Rịa, Sa Đéc.

Ông Cao Quỳnh Diêu và ông Cao Hoài Sang phò loan.

Ông Nguyễn Văn Tương và ông Nguyễn Văn Kinh là người rõ thông đạo lý, lại đi khắp nơi mà giảng đạo để độ rỗi người quen.

Kết quả cuộc phổ độ này rất nên long trọng, chỉ có một tháng mấy mà kể có mấy vạn người nhập môn cầu Đạo.

Mùng mười tháng mười (mùng 10 tháng 10) là ngày tạm ngưng việc phổ độ để lo sắp đặt lễ khánh thành Thánh Thất ở "Tù Lâm Tự" (Gò Kén, Tây ninh).

SỰ TÍCH CẢNH CHÙA “TÙ LÂM”

Cảnh chùa này vốn của Hòa Thượng Như Nhân ở chùa Giác Hải (Chợ Gạo) quyên tiền trong bốn đạo của ông mà lập ra. Tháng bảy năm Bính Dần (Aout 1926) ông tình nguyện dâng chùa ấy cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để làm Thánh Thất. Khi ấy chùa cất mới vừa xong, nhưng chưa sơn phết, chưa trải xi măng (ciment) và chung quanh chùa vẫn còn bụi cây sầm uất.

Ông Nguyễn Ngọc Thơ phải ra tiền lo việc ấy cho hoàn tất, lại còn dựng cột Phật Thích Ca và khai thác các việc khác như là: Đốn cây, trồng kiếng, đắp đường cho xe hơi vô tận chùa, và cất tịnh thất vân vân ...

NGÀY KHAI THÁNH THẤT

Đêm 14 rạng mặt rằm tháng mười năm Bính Dần (18 Novembre 1926) là đêm khánh thành Thánh Thất ở "Tù Lâm Tự".

Ông Lê Văn Trung thay mặt cho bốn đạo mời đủ các chức sắc viên quan Langsa và Annam đến dự lễ ấy. Chư bốn đạo và chư thiện nam, tín nữ hiện diện kể đến hàng muôn. Hội Thánh tiếp đãi khách một cách rất ân cần trọng hậu; ngoài cúng phẩm ra, thì không thu tiền bạc của ai cả.

CUỘC BIẾN

Đêm ấy, vì đông người mà cuộc hành lễ hóa ra thất nghiêm, nên Thượng Đế giáng cơ, chỉ để ít lời quở trách rồi thăng. Tà quái thừa dịp Thượng Đế và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thăng rồi, bèn nhập vào cho một vị nam và một vị nữ bốn đạo mà gây rối ra, mạo xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Quan Âm Bồ Tát. Ban đầu trong bốn đạo còn tin thiết, hết dạ kính thành, sau lần lần xem cách hành động của chúng nó lấy làm lộng, chừng ấy mới phân biệt chánh tà, thì là rất muộn. Rã cuộc, người biết đạo thì chẳng nói chi, duy kẻ nhẹ tánh thì gãi đầu, chặc lưỡi, ngẩn ngẩn, ngơ ngơ.

Thấy tình hình như vậy, ông quan ba Monet khuyên giải trong bốn đạo như vậy: "Công việc các ông làm đây là rất phải; các ông chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà ngã lòng thối chí. Tôi cho là thường tình, vì bên Tây, trong mấy đàn thánh Tiên, cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có lời khuyên các ông là từ rày sắp lên, hễ có cầu cơ, thì

chớ nên hiệp nhau đông đảo, vì cần phải cho thanh tịnh, mà hễ đông người, thì một là mất bề thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng không tương ứng nhau được, thì không linh nghiệm".

Lời châu ngọc của ông Monet đến ngày nay chúng tôi càng nhớ đến chừng nào thì chúng tôi lại càng thâm cảm thanh tịnh ông chừng nấy.

TRƯỜNG CÔNG KÍCH

Cuộc biến ấy thành ra một trường công kích rất nên kịch liệt. Kẻ nghịch đạo như đó mà hô lớn lên rằng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Tà giáo, là Quái giáo lằng xằng. Tuy nhiên cũng có một ít người bôn đạo vì đó mà phải "ngã" chớ còn kẻ có chút quan tâm về Tôn giáo, càng nghe lời công kích chừng nào, càng để ý quan sát về Đại Đạo chừng nấy, thành thử trường công kích ấy lại trở làm giới thiệu cho nền Đạo mà tự người đứng ra công kích cũng phải nhìn nhận như vậy. Vì là chỉ trong ba tháng mở Đạo ở "Tứ Lâm Tự" mà số người nhập môn (Langsa có, Cao Mên có, Khách trú có) kể đến hằng ức.

ĐỜI TÒA THÁNH VỀ LÀNG LONG THÀNH (TÂY NINH)

Vì cuộc biến nọ, vì trường công kích kia mà Hòa Thượng Như Nhãn ngã lòng, và bôn đạo của ông đã cúng tiền cất "Tứ Lâm Tự" cũng vì đó mà buộc ông đòi chùa lại.

Hội Thánh buộc phải giao chùa lại cho ông Như Nhãn. Đoạn mới mua một sớ rừng 100 mẫu giá 25.000\$00 tọa lạc ở làng Long Thành. Khai phá được chừng 10 mẫu, rồi mới cất Tòa Thánh tạm mà an bài nơi đó, kể từ tháng hai, năm Đinh Mão.

Lúc bấy giờ, Đạo phải trải qua nhiều lối chông gai, nhiều đường khổ hạnh. Nhưng người chủ trương việc Đạo, như là ông Cao Quỳnh Cư, đem hết dạ nhiệt thành, hết bầu tâm huyết mà sắp đặt trật tự bên trong, và chống trả với phản động lực bên ngoài.

Đến đây, tôi xin ngừng bút, tưởng bấy nhiêu đó cũng đủ cho quý vị độc giả rõ biết sơ lược về gốc tích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

HẾT

ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN
Tác giả NGUYỄN TRUNG HẬU
Tự THUẦN ĐỨC

In tại nhà in HÒA CHÁNH 16-18 Công Quỳnh (Arras cũ) Saigon